

Số: /KH-UBND Tam Đường, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH
Đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên cho lao động
nông thôn năm 2024 trên địa bàn huyện Tam Đường

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-UBND, ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2024; Hướng dẫn số 178/HD-SLĐTBXH ngày 31/01/2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Lai Châu về thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2024; Công văn số 255/SLĐTBXH-QLLĐGDNN ngày 23/02/2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc điều chỉnh một số nội dung trong Hướng dẫn số 178/HD-SLĐTBXH ngày 31/01/2024 thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2024; UBND huyện xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên cho lao động nông thôn năm 2024 với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định cụ thể mục tiêu, đối tượng, chính sách hỗ trợ, kinh phí thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị thực hiện tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Nâng cao chất lượng lao động nông thôn thông qua việc đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về kỹ năng nghề, giúp người học sau khi kết thúc khóa đào tạo biết vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất, tạo việc làm góp phần cải thiện đời sống, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững.

2. Yêu cầu

Đào tạo nghề theo nhu cầu của người lao động và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động và nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; đảm bảo đào tạo đúng đối tượng, thực hiện đúng chế độ chính sách quy định.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo phải đảm bảo năng lực đào tạo, có đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp; không tổ chức đào tạo

nghề cho lao động nông thôn khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập hoặc khả năng cải thiện năng xuất lao động.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

- Tiếp tục đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo. Gắn đào tạo nghề với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới và cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

- Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật từ 58,12% năm 2023 lên 60,27% vào cuối năm 2024; sau đào tạo có trên 80% số người học có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn.

2. Chỉ tiêu

Đào tạo cho 1.000 lao động nông thôn, trong đó:

- Nghề nông nghiệp: 480 người;
- Nghề phi nông nghiệp: 520 người.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm).

III. NỘI DUNG

1. Đối tượng học nghề: Lao động nông thôn tham gia học các chương trình đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo nghề thường xuyên (*dưới 3 tháng*), trong đó ưu tiên: Người khuyết tật; đối tượng thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ mất việc làm; người chấp hành xong án phạt tù, người sau cai nghiện trở về cộng đồng.

2. Điều kiện người học được hỗ trợ đào tạo

a) *Độ tuổi:* Trong độ tuổi lao động (*nữ từ đủ 15-55 tuổi; nam từ đủ 15-60 tuổi*), có nhu cầu học nghề, có trình độ học vấn; trường hợp học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động thì phải đủ 14 tuổi; những người không biết đọc, viết có thể tham gia học những nghề phù hợp thông qua hình thức kèm cặp, truyền nghề và phải đủ sức khỏe phù hợp với ngành nghề cần học

b) *Mục đích của học nghề:* Có phương án tự tạo việc làm sau học nghề đảm bảo tính khả thi theo xác nhận của UBND xã; được đơn vị sử dụng lao động cam kết tuyển dụng hoặc có đơn vị cam kết bao tiêu sản phẩm sau học nghề.

c) *Đối với lao động nông thôn:* Người lao động có hộ khẩu thường trú tại xã, thị trấn đang trực tiếp làm nông nghiệp hoặc thuộc hộ gia đình có đất nông

ng nghiệp bị thu hồi.

d) Đối với người khuyết tật: Có giấy xác nhận khuyết tật hoặc sổ lĩnh trợ cấp hàng tháng.

đ) Đối với lao động bị mất việc làm

- Trường hợp làm việc theo hợp đồng có một trong các giấy tờ sau: Quyết định thôi việc, buộc thôi việc; quyết định sa thải; thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc; hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động;

- Trường hợp làm việc không theo hợp đồng: Giấy xác nhận của người sử dụng lao động;

- Trường hợp tự tạo việc làm: Giấy đăng ký kinh doanh còn hiệu lực hoặc xác nhận của UBND xã (trong trường hợp không có giấy đăng ký kinh doanh).

e) Đối với người đã được hỗ trợ đào tạo nghề nhưng bị mất việc làm: Thì ngoài các giấy tờ quy định cần bổ sung thêm chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo nghề trước đó.

f) Đối với người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh: Quyết định thu hồi đất còn trong thời hạn được hỗ trợ quy định tại Điều 4 Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

3. Chính sách đối với người học

a) Hỗ trợ chi phí đào tạo: Mức hỗ trợ cụ thể theo từng ngành, nghề và thời gian học thực tế được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh Lai Châu quy định mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về mức chi phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn kèm theo Quyết định 674/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh và các văn bản có liên quan, văn bản bổ sung, thay thế.

b) Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại

- Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người khuyết tật; người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng;

- Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.

- Hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học (nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên). Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học (nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 05 km trở lên).

4. Quy mô đào tạo, chương trình, phương thức đào tạo, nội dung chi

a) *Quy mô đào tạo:* Từ 25 - 35 học viên/lớp.

b) *Chương trình, giáo trình đào tạo:* Chương trình, giáo trình đào tạo do đơn vị tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, điều kiện giảng dạy của cơ sở, trình độ của người học theo hướng dẫn tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH quy định về đào tạo sơ cấp; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH quy định về đào tạo thường xuyên; Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp và Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo thường xuyên; Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

c) *Hình thức hỗ trợ đào tạo*

Thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu đào tạo nghề theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, cụ thể:

- Trường hợp người học đăng ký học tại các cơ sở đào tạo là đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Người học đăng ký học tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện: Hỗ trợ thông qua hình thức giao nhiệm vụ.

+ Người học đăng ký học tại các đơn vị sự nghiệp công lập không phải là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện: Hỗ trợ thông qua hình thức đặt hàng.

- Trường hợp người học đăng ký học tại các cơ sở đào tạo ngoài công lập: Hỗ trợ thông qua hình thức đặt hàng.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở khác có hoạt động đào tạo nghề đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp, căn cứ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng có trách nhiệm thanh

toán tiền ăn, tiền đi lại cho người học theo quy định. Trường hợp người học tự ý nghỉ học, bỏ học hoặc buộc thôi học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp quyết toán kinh phí hỗ trợ học nghề theo số lượng học viên và thời gian thực tế tham gia học nghề.

d) Nội dung chi tổ chức đào tạo: Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 152/2016/TTBTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN: Kinh phí đào tạo nghề được thực hiện lồng ghép từ các nguồn: Ngân sách Trung ương; Ngân sách tỉnh; Ngân sách huyện tự cân đối và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán, quyết toán kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn thực hiện theo quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn hướng dẫn, triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tham mưu UBND huyện Quyết định giao nhiệm vụ đào tạo nghề cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện để tổ chức thực hiện.

- Phối hợp UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác truyền thông về giáo dục nghề nghiệp và tạo việc làm đối với lao động nông thôn; rà soát, định hướng nhu cầu đào tạo của lao động nông thôn phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới và nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp; chú trọng công tác tư vấn, hướng nghiệp cho người lao động, đặc biệt là người khuyết tật, người chấp hành xong án phạt tù trở về cộng đồng, người sau cai nghiện trở về cộng đồng. Thẩm định danh sách học viên, địa điểm các lớp đào tạo nghề trước khi các cơ sở dạy nghề tổ chức thực hiện.

- Thông báo cho các cơ sở đào tạo ngoài công lập làm thủ tục đăng ký tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn; tham mưu UBND huyện Quyết định đặt hàng đào tạo nghề đối với các cơ sở dạy nghề đảm bảo đúng quy định; trực tiếp ký hợp đồng với các cơ sở dạy nghề không thuộc UBND huyện quản lý; phối hợp xây dựng dự toán kinh phí gửi các cơ quan chuyên môn thẩm định theo chức năng nhiệm vụ.

- Tham mưu UBND huyện phê duyệt kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện công tác dạy nghề trên địa bàn; đôn đốc, hướng dẫn xã, thị trấn xây dựng kế hoạch dạy nghề, kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác dạy nghề năm 2024.

- Kiểm tra các điều kiện tổ chức đào tạo thường xuyên đối với cơ sở được

giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng đào tạo nghề. Tham mưu UBND huyện có văn bản cho ý kiến về: Tên nghề đào tạo, chương trình đào tạo; quy mô, địa điểm tổ chức đào tạo của các cơ sở đào tạo được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng đào tạo nghề.

- Định kỳ 6 tháng, một năm tổng hợp tình hình triển khai thực hiện, tham mưu UBND huyện Báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu theo quy định.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện: Chỉ đạo, định hướng các ngành, nghề nông nghiệp để đào tạo cho lao động nông thôn trên địa bàn; thẩm định, định mức kinh tế kỹ thuật cây trồng, vật nuôi, thủy sản phục vụ thực hành nghề nông nghiệp; kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp theo các văn bản hướng dẫn thực hiện của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các văn bản của tỉnh, huyện. Tham mưu lồng ghép chương trình, kế hoạch đào tạo cho lao động nông thôn trong chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình khuyến nông đảm bảo hiệu quả.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp 06 tháng, 01 năm trên địa bàn huyện gửi Phòng Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các Trường THCS làm tốt công tác phân luồng, định hướng cho học sinh tốt nghiệp THCS vào học nghề. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền để các cấp, các ngành và toàn xã hội nâng cao nhận thức về trách nhiệm và tầm quan trọng của việc phân luồng học sinh sau học THCS vào học nghề; đồng thời giúp các bậc cha, mẹ học sinh và học sinh nhận thức rõ, đúng đắn hơn việc học nghề, đảm bảo cơ cấu hợp lý nguồn nhân lực xã hội.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu giao nguồn kinh phí tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; thẩm định kế hoạch và dự toán kinh phí các lớp đào tạo; tổng hợp, trình UBND huyện phê duyệt để tổ chức thực hiện; quản lý, hướng dẫn thanh, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ công tác đào tạo theo đúng quy định hiện hành.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Phòng Kinh tế và Hạ tầng: Phối hợp với cơ quan, đơn vị truyền thông

cung cấp thông tin có liên quan đến thị trường hàng hóa và có các giải pháp hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm tiểu thủ công nghiệp cho lao động nông thôn.

6. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện: Xây dựng chuyên mục tuyên truyền sâu rộng về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của đào tạo, đào tạo gắn với giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập; các mô hình có hiệu quả; thông tin về thị trường lao động, nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp; tuyên truyền các chuyên đề khởi nghiệp của người lao động... để người lao động nông thôn biết, tham gia và lựa chọn nghề học phù hợp, hiệu quả, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống.

7. Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện: Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn vay vốn học nghề, tạo việc làm sau học nghề và được hưởng các chế độ, chính sách ưu đãi về vốn vay; tổ chức triển khai chính sách tín dụng đối với lao động nông thôn; chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, bảo toàn vốn vay theo quy định.

8. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đến người lao động nông thôn trên địa bàn.

- Xây dựng Kế hoạch phối hợp thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn; Kế hoạch kiểm tra, giám sát các lớp đào tạo nghề. Quản lý và sử dụng các nguyên, nguyên vật liệu thực hành lớp học và mô hình sau đào tạo hợp lý, hiệu quả.

- Thông kê nhu cầu học nghề của lao động nông thôn trên địa bàn; nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn.

- Phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề tổ chức tuyển sinh, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức đào tạo nghề.

- Hỗ trợ người lao động tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, giải quyết việc làm sau đào tạo. Theo dõi, tổng hợp, đánh giá hiệu quả giải quyết việc làm sau đào tạo nghề.

- Định kỳ 6 tháng, năm báo cáo kết quả đào tạo nghề gửi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp).

9. Trách nhiệm của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện và các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn

- Tổ chức tuyển sinh, đào tạo nghề theo chương trình đào tạo đã được phê

duyet; kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, cấp chứng chỉ; thực hiện công tác giáo vụ, chế độ báo cáo theo quy định.

- Quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo; chi trả đầy đủ kinh phí hỗ trợ cho người học; thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, thống kê, đánh giá hiệu quả giải quyết việc làm của người lao động sau học nghề.

- Phối hợp với địa phương và doanh nghiệp, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn sau học nghề.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể thành viên: Phối hợp tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đào tạo cho lao động nông thôn; vận động các hội viên tham gia học nghề; tư vấn miễn phí về đào tạo và giải quyết việc làm. Tham gia giám sát các hoạt động của Kế hoạch này.

Căn cứ nội dung Kế hoạch này UBND huyện đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chỉ đạo, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - TB&XH (B/c);
- Sở NN&PTNT (B/c);
- TT: Huyện ủy, HĐND huyện (B/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Thịnh

PHỤ BIỂU

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /3/20243 của UBND huyện Tam Đường)

Số TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Thời gian thực học (ngày)	Số lượng người học (người)	Địa bàn đào tạo	Ghi chú
I	NGHỀ PHI NÔNG NGHIỆP		520		
1	Kỹ thuật xây dựng	60	35	Xã Khun Há	
2	Sửa chữa máy nông nghiệp	60	30	Xã Giang Ma	
3	Kỹ thuật thêu tay	60	30	Xã Giang Ma	
4	Sửa chữa máy nông nghiệp	60	30	Xã Bình Lư	
5	Sửa chữa máy nông nghiệp	60	30	Xã Hồ Thầu	
6	Sửa chữa máy nông nghiệp	60	30	Xã Nùng Nàng	
7	Kỹ thuật thêu tay	60	30	Xã Bản Hôn	
8	Kỹ thuật thêu tay	60	30	Xã Bản Hôn	
9	Sửa chữa máy nông nghiệp	60	30	Xã Bản Bo	
10	Kỹ thuật xây dựng	60	30	Xã Bản Bo	
11	Kỹ thuật xây dựng	60	35	Xã Thèn Sín	
12	Kỹ thuật thêu tay	60	30	Xã Sơn Bình	
13	Kỹ thuật thêu tay	60	30	Xã Sơn Bình	
14	Kỹ thuật thêu tay	60	30	Xã Nà Tăm	
15	Kỹ thuật thêu tay	60	30	Xã Tả Lèng	
16	Kỹ thuật thêu tay	60	30	Xã Bản Giang	
17	Điện dân dụng	60	30	Trên địa bàn huyện	

II	NGHỀ NÔNG NGHIỆP		480		
1	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm (gà, vịt, ngan, bò câu...).	37	30	Xã Bản Giang	
2	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc (trâu, bò, ngựa, dê, lợn)	37	30	Xã Bản Giang	
3	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc (trâu, bò, ngựa, dê, lợn)	37	30	Xã Khun Há	
4	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc (trâu, bò, ngựa, dê, lợn)	37	30	Xã Bản Hon	
5	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi	37	30	Xã Thèn Sin	
6	Trồng cây dược liệu	60	30	Xã Nùng Nàng	
7	Trồng cây công nghiệp (trồng chè)	60	30	Xã Nùng Nàng	
8	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc (trâu, bò, ngựa, dê, lợn)	37	30	Xã Bình Lư	
9	Trồng cây công nghiệp (trồng chè)	60	30	Xã Bình Lư	
10	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc (trâu, bò, ngựa, dê, lợn)	37	30	Xã Tả Lèng	
11	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi	37	30	Xã Giang Ma	
12	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc (trâu, bò, ngựa, dê, lợn)	37	30	Xã Nà Tăm	
13	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm (gà, vịt, ngan, bò câu...).	37	30	Xã Nà Tăm	
14	Kỹ thuật trồng, chăm sóc, phòng trị bệnh trên cây sản dây	37	30	Xã Bản Bo	

15	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc (trâu, bò, ngựa, dê, lợn)	37	30	Xã Hồ Thầu	
16	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc (trâu, bò, ngựa, dê, lợn)	37	30	Xã Hồ Thầu	
Tổng cộng			1.000		